

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-PT

Ngày: 11 - 02 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa, bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/01/2022 và 11/02/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLPT- DS ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2126/2021/QĐ -PT ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phan Trọng H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Điều vắng mặt vào ngày 10/01/2022 và đều có mặt vào ngày 11/02/2022.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Vũ Xuân H và luật sư Dương Văn T - Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Đ; địa chỉ: Số A, đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Điều có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng Công chứng S, đại diện theo pháp luật: ông Lưu Trung S - Công chứng viên; Địa chỉ: Số 192 đường H, tiểu khu 10, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- Ngân hàng N - Địa chỉ: Số: A đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm: bà Lê Thị Nguyệt N - Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình. Có mặt.

4. Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị B (là nguyên đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:* Ngày 05/7/2018, bà Nguyễn Thị B được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số H; tờ bản đồ số 3; địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; diện tích 123,5m²; trong đó đất ở tại nông thôn: 108,0 m², đất trồng cây hàng năm khác: 15,5 m². Trong thời gian tháng 7/2018 con dâu bà B là Nguyễn Thị L và con trai là Nguyễn Văn T đến Văn phòng Công chứng S làm sẵn giấy tờ tặng cho quyền sử dụng đất, trong lúc bà B sức khoẻ yếu, mắt mờ, tai hơi nặng, nghe không rõ, chị L đã dụ dỗ bà B: “Mẹ ký để mượn sổ vay Ngân hàng”. Nhân viên Văn phòng công chứng S không đọc cho bà B nghe nội dung của giấy tờ ra làm sao, rồi đưa tờ giấy nhỏ đã viết mẫu sẵn để bà B ký tên. Sau đó bà B đã làm đơn trình gửi lên Ủy ban nhân dân xã Đ công nhận sai lầm, nhầm lẫn với mưu đồ của Nguyễn Thị L đã chiếm đoạt mảnh đất hương hoá của ông, bà để lại, là nơi thờ cúng tổ tiên, ông, bà, chồng và bà B sau này. Nay bà B làm đơn khởi kiện đề nghị huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và lời chứng thực của công chứng viên ký ngày 11/7/2018 tại Văn phòng công chứng S, vì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có yếu tố lừa dối (vợ chồng T - L bảo bà B ký để mượn sổ vay Ngân hàng nhưng không ngờ đó là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để chiếm đoạt đất của bà B) và bà B yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L trình bày:* Ngày 11/7/2018 bà Nguyễn Thị B đã làm thủ tục tặng cho vợ chồng ông T, bà L toàn bộ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số H; tờ bản đồ số 3; địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập tại Văn phòng công chứng S theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi được mẹ tặng cho quyền sử dụng đất, vợ chồng ông T, bà L đã làm thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ người sử dụng đất cũ là bà Nguyễn Thị B sang Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị L. Ngày 02/8/2018, vợ chồng ông T, bà L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số H; tờ bản đồ số 3; địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; diện tích 123,5m²; trong đó đất ở tại nông thôn: 108,0 m², đất trồng cây hàng năm khác: 15,5 m². Ngày 27/8/2018 vợ chồng ông T, bà L đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa số H, tờ bản đồ số 3 để vay một khoản tín dụng tại ngân hàng N - Chi

nhánh Bắc Quảng Bình cho đến nay vẫn chưa tất toán và giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019, ông T và bà L đã xây dựng 01 ngôi nhà hai tầng trên thửa đất để ở, nhưng khi mới xây xong phần thô (chưa hoàn thiện) thì bà B đã có những hành vi ngăn cản việc xây dựng của vợ chồng ông T, bà L. Nay bà B khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T, bà L không chấp nhận.

- *Văn phòng Công chứng S trình bày:* Ngày 11/7/2018, Văn phòng Công chứng S có tiếp nhận yêu cầu công chứng của khách hàng là bà Nguyễn Thị B; ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L với nội dung đề nghị chứng nhận giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số H, tờ bản đồ số 3, diện tích 123,5m², địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Công chứng viên nhận thấy yêu cầu công chứng của bà B, ông T và bà L là đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm công chứng, bà B, ông T, bà L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Các ông, bà đã xuất trình đầy đủ hồ sơ và yêu cầu công chứng theo quy định tại Điều 41 Luật công chứng. Mặt khác, tại thời điểm yêu cầu công chứng tài sản của bà B đủ điều kiện giao dịch theo quy định của pháp luật, không chịu bất kỳ biện pháp ngăn chặn nào từ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không phát sinh tranh chấp nào. Do đó, công chứng viên Văn phòng Công chứng S đã tiến hành thụ lý và chứng nhận hợp đồng tặng cho nêu trên theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Về đơn khởi kiện của bà B, nhận thấy nội dung đơn không đúng sự thật và không có cơ sở pháp lý. Tại thời điểm công chứng, bà B hoàn toàn minh mẫn, đủ năng lực hành vi dân sự, bà hoàn toàn tự nguyện đọc và ký tên, điểm chỉ vào phiếu yêu cầu công chứng và 03 bản hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Việc này đã thể hiện rất rõ thông qua việc bà B đã tự mình ký tên vào từng trang của 03 bản hợp đồng tặng cho. tại thời điểm công chứng bà B đã thể hiện rất rõ ý chí của mình khi ghi rõ trong 03 bản hợp đồng tặng cho “Tôi đã đọc và đồng ý”, hoàn toàn không có dấu hiệu bị ép buộc, bị đe dọa hay bị lừa dối như trình bày trong đơn khởi kiện. Một người có thể ký, viết tốt như vậy không thể nói là không minh mẫn và không biết mình đang làm việc gì? Tại đơn khởi kiện bà B có trình bày là Công chứng viên không đọc hợp đồng cho bà nghe, chúng tôi khẳng định lại một lần nữa là Công chứng viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật thì “Người yêu cầu công chứng tự đọc dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc công chứng viên đọc cho người yêu cầu công chứng nghe”. Người yêu cầu công chứng tự đọc thì công chứng viên chỉ giải thích quyền và nghĩa vụ của các bên khi giao kết hợp đồng chứ không có nghĩa vụ phải đọc lại hợp đồng cho các bên nghe. Công chứng viên đã thực hiện đúng trình tự thủ tục công chứng theo quy định của pháp luật nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà B, ông T, bà L nêu trên là đúng quy định pháp luật và hợp pháp.

- *Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng N trình bày:* Ngày 28/8/2018 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp tài sản thế chấp tài sản (03 tài sản), trong đó có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số CN, số vào sổ cấp GCN: CS, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02/8/2018, đứng tên ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, thửa số H, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã Đ, tỉnh Quảng Bình, diện tích 123,5m²; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 108m² đất trồng cây hàng năm 15,5m²; thời hạn sử dụng đất: Đất ở lâu dài, đất trồng cây hàng năm khác sử dụng đến ngày 01/7/2064; nguồn gốc sử dụng: Được tặng cho, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị tài sản: 340.000.000đồng, phạm vi bảo đảm 250.000.000 đồng. Khi thế chấp vay vốn có đủ căn cứ để chứng minh rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, các hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng, chứng thực hợp pháp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hợp đồng vay và Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình với ông T, bà L là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS- ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đã quyết định: *Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b, d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 117, 457, và Điều 459 Bộ luật dân sự; khoản 1, điểm a, d khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168, khoản 2 Điều 170, điểm g khoản 1 Điều 179 và Điều 188 Luật đất đai; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký kết giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L và yêu cầu ông T, bà L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký kết giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L hợp pháp. Hợp đồng vay và thế chấp tài sản giữa ông T, bà L và ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình là hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm tự tháo dỡ các tấm bờ rào xi măng và 01 cánh cửa nhỏ bằng gỗ thô sơ bà B tự lợp tại ngôi nhà ông T, bà L xây dở dang (thửa đất số H, tờ bản đồ số 03) và đang sử dụng để trả lại một phòng nhỏ chiều dài 3m, chiều rộng 2,6m, diện tích 7,8m² cho ông T, bà L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên miễn án phí cho bà B, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

- Ngày 02/8/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 11/7/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn; yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo, bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà B là người già yếu, nay bà B đã 74 tuổi, khi ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bà B sức khoẻ yếu, tai nghe không rõ, mắt mờ, không có yếu tố tự nguyện mà có yếu tố bà B bị lừa dối. Bà B là người có công với cách mạng, chồng Liệt sĩ, nơi ở sơ sài, tạm bợ chính nơi ngôi nhà đang xây dở dang của ông T, bà L, đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà B với ông T, bà L là hoàn toàn tự nguyện; được công chứng, chứng thực đúng quy định của pháp luật. Việc bà B cho rằng các con của bà (ông T, bà L) đã lừa dối bà B để làm hợp đồng tặng cho đất là hoàn toàn không có căn cứ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N trình bày: Việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất) để bảo đảm vay vốn giữa ông T, bà L với Ngân hàng là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Trường hợp nếu bây giờ bà B, ông T, bà L có thỏa thuận với nhau về quyền sử dụng đất thì Ngân hàng chỉ đồng ý khi vợ chồng ông T, bà L thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa ngày 10/01/2022, trong phần tranh tụng tại phiên tòa thì nguyên đơn (bà B) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (bị đơn ông T và bà L đều vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/01/2022) đều đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để các đương sự (bà B với ông T, bà L) tự hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 11/02/2022, cả ông T và bà L đều có ý kiến đồng ý để mẹ (bà B) được tiếp tục ở trong ngôi nhà mà ông T, bà L đã xây trên thửa đất mà mẹ đã cho và ông T, bà L có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ (bà B) cho đến khi mẹ qua đời (thửa đất vẫn mang tên ông T, bà L). Tuy nhiên bà B không đồng ý, bà B yêu cầu phải trả lại đất cho bà, toàn bộ thửa đất phải mang tên bà để sau này bà muốn tặng cho ai là quyền của bà; bà B đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa theo quy định.

[2] Ngày 05/7/2018, bà Nguyễn Thị B được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số H; tờ bản đồ số 3; địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; diện tích 123,5m²; trong đó đất ở tại nông thôn: 108,0 m², đất trồng cây hàng năm khác: 15,5 m².

[3] Ngày 11/7/2018, Văn phòng Công chứng S tiếp nhận yêu cầu công chứng của bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L với nội dung đề nghị chứng nhận “*hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”, giữa bên tặng cho là bà Nguyễn Thị B với bên được tặng cho là vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L; quyền sử dụng đất tặng cho là thửa đất số H, tờ bản đồ số 3, diện tích 123,5m², địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, mang tên bà Nguyễn Thị B. Công chứng viên đã tiến hành chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo đúng quy định; số công chứng 2258, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD.

[4] Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B với vợ chồng ông T, bà L không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tại thời điểm công chứng, bà B, ông T, bà L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng; các bên tham gia ký kết đều ký và điểm chỉ vào từng trang của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; tài sản của bà B đủ điều kiện giao dịch theo quy định của pháp luật, không chịu bất kỳ biện pháp ngăn chặn nào từ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không phát sinh tranh chấp nào. Bà B, ông T và bà L đã xuất trình đầy đủ hồ sơ và yêu cầu công chứng theo quy định tại Điều 41 Luật công chứng. Công chứng viên Văn phòng Công chứng S đã tiến hành thụ lý và chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B với vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L đã được Văn phòng Công chứng S công chứng ngày 11/7/2018 là hợp pháp.

[5] Bà Nguyễn Thị B khởi kiện cho rằng tại thời điểm thực hiện việc công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì bà B sức khỏe yếu, mắt hơi mờ, tai hơi nặng nên nghe không rõ; vợ chồng ông T, bà L đã lừa dối bà B bảo bà ký hồ sơ để vay Ngân hàng chứ không nói rõ là ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị B là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn T, tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất thì bà B đang sống chung với vợ chồng ông T, bà L. Việc tặng cho quyền sử dụng đất được thực hiện tại Văn phòng công chứng theo đúng quy định; Công chứng viên đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục công chứng theo đúng quy định của Luật công chứng. Hiện tại không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh vợ chồng ông T, bà L đã dụ dỗ, lừa dối bà B và chứng minh cho việc tại thời điểm thực hiện công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì bà B sức khỏe yếu, mắt hơi mờ, tai hơi nặng, nghe không

rõ như lời trình bày của bà B. Mặt khác việc tặng cho quyền sử dụng đất được thực hiện từ tháng 7 năm 2018, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng ông T, bà L đã tiến hành xây dựng nhà ở kiên cố trên thửa đất được mẹ tặng để ở nhưng bà B cũng không có ý kiến gì. Trong trường hợp này nếu đúng bà B không tự nguyện tặng cho quyền sử dụng đất thì khi ông T, bà L khởi công xây dựng nhà ở trên đất của mình thì bà B sẽ có ý kiến ngăn cản, tuy nhiên mãi đến ngày 27/4/2020, sau khi ông T, bà L đã xây dựng xong phần thô của ngôi nhà thì bà B mới gửi đơn trình đến Ủy ban nhân dân xã Đ, và ngày 20/6/2020 bà B mới viết đơn khởi kiện gửi đến Tòa án. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Tại giai đoạn phúc thẩm, bà B có cung cấp thêm 01 giấy ra viện đề ngày 09/12/2005 (thời gian điều trị tại khoa mắt bệnh viện TW Huế từ ngày 14/11/2005 đến ngày 10/12/2005); 01 giấy chứng nhận phẫu thuật mắt (đục thủy tinh thể) tại Trung tâm phòng chống bệnh xã hội tỉnh Quảng Bình ngày 11/10/2017. Theo giấy tờ trên thì mắt của bà B đã được phẫu thuật từ tháng 10/2017, và trên thực tế thì bà B cũng thừa nhận đã trực tiếp ký và viết đầy đủ họ, tên trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; ngoài ra trong các văn bản tố tụng tại Tòa án (đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, ...) thì bà B cũng trực tiếp ký và viết đầy đủ họ tên như trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Với các tài liệu mà bà B bổ sung tại giai đoạn phúc thẩm (giấy ra viện và giấy chứng nhận phẫu thuật mắt), Hội đồng xét xử thấy không đủ căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà B. Vì vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí phúc thẩm: bà B là người cao tuổi và là người có công với cách mạng nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn nộp tiền án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị B.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/02/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ